

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 06 đến trang 46 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông Lưu Quang Lãm	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23/03/2016 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11/04/2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Cam Ranh dự kiến đi vào hoạt động cuối năm 2016. Theo đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23/12/2016 thông qua quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh với tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là 51%. Hình thức vốn góp: góp vốn bằng tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Cam Ranh tại thời điểm ngày 31/12/2016 với giá trị được xác định bằng giá trị còn lại trên sổ kế toán. Phần giá trị góp vốn còn thiếu (nếu có) sẽ được góp bằng tiền mặt.

Ngày 01/01/2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh đã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo Nghị quyết nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHYACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám Đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Số: ~~44~~2017/UHYACA/HCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 35.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23/03/2016 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11/04/2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Cam Ranh dự kiến đi vào hoạt động cuối năm 2016. Theo đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23/12/2016 thông qua quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh với tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là 51%. Hình thức vốn góp: góp vốn bằng tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Cam Ranh tại thời điểm ngày 31/12/2016 với giá trị được xác định bằng giá trị còn lại trên sổ kế toán. Phần giá trị góp vốn còn thiếu (nếu có) sẽ được góp bằng tiền mặt.

Ngày 01/01/2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh đã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo Nghị quyết nêu trên.

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không làm ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		319.949.134.786	209.262.822.953
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	127.817.498.015	78.370.065.494
Tiền	111		97.817.498.015	58.370.065.494
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.851.755.853	118.550.944.718
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	179.004.731.379	118.118.929.148
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.472.873.430	5.315.507.403
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.808.855.010	9.729.819.109
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(8.434.703.966)	(14.613.310.942)
Hàng tồn kho	140	8	5.599.217.570	7.847.709.154
Hàng tồn kho	141		5.599.217.570	7.847.709.154
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.680.663.348	4.494.103.587
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	300.975.192	251.970.484
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.379.648.710	4.242.133.103
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	39.446	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.276.898.175	117.766.291.164
Phải thu dài hạn khác	216	7	20.600.000.000	14.600.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(20.600.000.000)	(14.600.000.000)
Tài sản cố định	220		218.355.624.676	116.301.070.079
Tài sản cố định hữu hình	221	10	218.355.624.676	116.301.070.079
- Nguyên giá	222		375.792.538.694	237.463.167.243
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(157.436.914.018)	(121.162.097.164)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		774.068.000	774.068.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(774.068.000)	(774.068.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	-	190.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	190.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.921.273.499	1.275.221.085
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	731.488.165	775.599.265
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.189.785.334	499.621.820
TỔNG TÀI SẢN	270		540.226.032.961	327.029.114.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		188.131.544.311	118.256.964.097
Nợ ngắn hạn	310		179.761.790.011	118.256.964.097
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	51.985.724.024	35.098.291.191
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		199.961.608	371.737.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	11.290.421.854	8.035.710.307
Phải trả người lao động	314		107.692.376.504	67.358.210.668
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.857.654.306	401.460.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.514.496.097	2.770.398.483
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.221.155.618	4.221.155.618
Nợ dài hạn	330		8.369.754.300	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	8.369.754.300	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.094.488.651	208.772.150.020
Vốn chủ sở hữu	410	19	352.094.488.651	208.772.150.020
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	140.508.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>200.000.000.000</i>	<i>140.508.000.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.603.680.000	-
Cổ phiếu quỹ	415		(133.000.000)	(28.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.139.777.265	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.484.031.386	68.292.150.020
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>204.132.755</i>	-
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>138.279.898.631</i>	<i>68.292.150.020</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	440		540.226.032.961	327.029.114.117

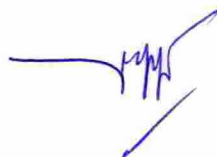
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Phùng Danh Nguyên

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	876.564.991.314	598.936.722.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	876.564.991.314	598.936.722.011
Giá vốn hàng bán	11	22	597.302.927.903	413.643.261.424
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		279.262.063.411	185.293.460.587
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.953.465.471	5.514.416.485
Chi phí tài chính	22	24	1.109.824.675	764.901.970
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	66.370.185.669	78.486.372.876
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		217.735.518.538	111.556.602.226
Thu nhập khác	31	27	405.695.866	116.659.374
Chi phí khác	32	28	163.348.301	292.089.653
Lợi nhuận khác	40		242.347.565	(175.430.279)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		217.977.866.103	111.381.171.947
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	44.463.311.984	25.216.359.970
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(690.163.514)	(499.621.820)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		174.204.717.632	86.664.433.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	8.724	4.152
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	8.724	4.152

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

Phùng Danh Nguyên

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		217.977.866.103	111.381.171.947
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		36.274.816.854	22.583.405.006
Các khoản dự phòng	03		-	29.213.310.942
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ (Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	04		(112.521.491)	(178.092.755)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.075.488.453)	(852.646.081)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		252.064.673.013	162.147.149.059
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(63.674.580.861)	(37.109.997.648)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		2.248.491.584	(941.860.421)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		74.445.903.530	(6.971.979.090)
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(4.893.608)	247.141.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(41.208.970.683)	(23.847.232.609)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	480.644.425
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.722.149.001)	(191.568.457.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		213.148.473.974	(97.564.592.296)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(146.155.036.070)	(35.493.211.697)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	14.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(190.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		190.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.238.182.882	848.792.631
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(143.726.853.188)	(20.834.419.066)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31		9.930.520.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(105.000.000)	(28.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.985.750.000)	(14.050.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.160.230.000)	(14.078.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		49.261.390.786	(132.477.811.362)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	78.370.065.494	210.659.059.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		186.041.735	188.816.942
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	127.817.498.015	78.370.065.494

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

Phùng Danh Nguyên



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Đình Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 24 tháng 10 năm 2016.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN.

Trụ sở chính: Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 đồng.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết:

- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- Cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay;
- Kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)/.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Trong quý 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chia cổ tức còn lại của năm 2015 với tỷ lệ 5:2 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ- ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016 và trong quý 4 năm 2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 332.684 cổ phiếu. Theo đó, đến ngày 31/12/2016 vốn Điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, tháng 5/2016, tập đoàn Hàng không ANA Holdings Inc đã trở thành cổ đông chiến lược của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines). Theo đó, từ ngày 20/09/2016, Hãng Hàng không All Nippon Airways (một đơn vị con của tập đoàn ANA Holdings) đã thay đổi đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất từ Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn sang Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam (Công ty con của Vietnam Airlines).

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2015. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2016. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. Ngày 01/01/2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Cam Ranh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 164/NQ-HĐQT ngày 23/12/2016 (xem thêm tại Thuyết minh số 35.3).

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Đối với các tài sản cố định hữu hình hiện có tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, nguyên giá của các tài sản này được ghi nhận theo giá được đánh giá lại theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại thời điểm 31/03/2014 đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2189/QĐ-BGTVT ngày 10/06/2014.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị Văn phòng	04 - 06

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, bao gồm bản quyền máy tính được khấu hao trong 3 năm và phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí sử dụng vô tuyến điện tử, phí cước Metrowan, phí sử dụng phần mềm mail server và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá lại qua xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí bản quyền phần mềm Kaspersky được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: Dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và Dịch vụ phi hàng không (Phục vụ khách VIP, F, C; dịch vụ đào tạo; dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận doanh thu và nợ phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ (nếu có) cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo không chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở từng Chi nhánh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh Đà Nẵng được kê khai và nộp tập trung với thuế Thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty tại Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh. Tại Chi nhánh Cam Ranh kê khai và nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp riêng tại Cục thuế Khánh Hòa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí khác được kê khai và nộp riêng tại từng Chi nhánh.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ đặc thù của ngành hàng không, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cam Ranh. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4.16. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	17.827.430	1.194.000
Tiền gửi ngân hàng	97.799.670.585	58.368.871.494
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>127.817.498.015</u>	<u>78.370.065.494</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet	81.961.783.667	55.336.403.370
- Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông (*)	5.508.337.650	5.508.337.650
- Transaero Airlines (*)	2.926.366.316	3.104.973.292
- DHT Aviation INC	5.940.120.257	-
- LLC "IKAR" Airlines	4.157.151.798	-
- Qatar Airways	13.562.875.511	7.525.467.419
- Jetstar Asia Airways Pte Ltd	4.320.646.139	3.563.525.318
- Air Asia Berhad	4.636.028.030	4.177.458.734
- Turkish Airlines	3.563.744.040	2.217.706.188
- Tiger Airways Singapore Pte. Ltd	3.750.201.770	1.701.278.511
- Emirates Airline	2.534.874.076	4.641.749.877
- Thai Air Asia	3.003.393.866	3.042.697.441
- Malindo Air	2.505.716.026	-
- Asiana Airlines Inc	3.011.348.271	5.850.325.197
- Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	5.176.197.837	1.618.865.846
- Ahk Air Hongkong Ltd	2.262.915.240	2.264.621.300
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam-CN Tân Sơn Nhất	1.573.306.262	945.573.737
- Nok Airlines Public Company Limited	1.345.755.084	2.086.991.289
- Air China	1.901.311.631	-
- Nord Wind	1.573.962.878	-
- Vanilla Air INC.	1.346.433.887	-
- China Southern Airline C.O Ltd	1.231.686.388	-
- Airasia Berhad	1.166.837.302	-
- Air Busan	1.019.531.385	-
- Hainan Airlines CO., Ltd	1.479.581.935	-
- Hong Kong Dragon Airlines Ltd	847.078.072	-
- Jin Air	1.868.990.033	1.355.980.000
- United Airlines	-	1.993.621.968
- All Nippon Airways	-	1.205.617.140
- Các khoản phải thu khách hàng khác	14.828.556.028	9.977.734.871
Cộng	179.004.731.379	118.118.929.148
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	-	56.137.939
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	-	42.000.000
Cộng	-	98.137.939

(*) Năm 2015, Công ty đã xem xét lập dự phòng 100% nợ công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông và Transaero Airlines.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.808.855.010	-	9.729.819.109	6.000.000.000
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Phải thu lại tiền lương của Nhân viên	860.188.855	-	-	-
- Tạm ứng Công trình	-	-	2.709.820.889	-
- Ký cược, ký quỹ	225.600.000	-	45.000.000	-
- Chi hộ các hãng hàng không	473.722.468	-	363.460.758	-
- Tạm ứng	34.813.730	-	46.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	327.514	-	188.902.997	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	90.083.333	-	252.777.762	-
- Phải thu khác	124.119.110	-	123.856.703	-
Dài hạn	20.600.000.000	20.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	20.600.000.000	20.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
Cộng	22.408.855.010	20.600.000.000	24.329.819.109	20.600.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi) đã quá hạn thanh toán. Theo kết luận của tòa án, Công ty Cho Thuê Tài Chính II – Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả phần gốc và lãi kể từ ngày 10/07/2014, số tiền trả mỗi tháng ít nhất là 500.000.000 đồng. Năm 2015, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ nêu trên và trích lập dự phòng 100% nợ phải thu khó đòi với giá trị lũy kế đến 31/12/2016 là 20.600.000.000 đồng. Đến ngày 15/12/2016, Công ty đã nhận được Quyết định số 12/QĐ-CCTHADA ngày 29/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận 5 về việc tạm đình chỉ thi hành án với nội dung nêu trên đối với Công ty Cho Thuê Tài Chính II – Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam cho đến khi có Quyết định của Tòa án có thẩm quyền. Theo đó, Công ty thực hiện phân loại toàn bộ số dư nợ đối với Công ty Cho Thuê Tài Chính II – Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam thành nợ dài hạn theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.539.757.570	-	6.581.950.798	-
Công cụ, dụng cụ	59.460.000	-	1.265.758.356	-
Cộng	5.599.217.570	-	7.847.709.154	-

9. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	29.034.703.966	-	29.213.310.942	-
+ Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam	20.600.000.000	-	20.600.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hàng Không Mê Kông	5.508.337.650	-	5.508.337.650	-
+ Transaero Airlines	2.926.366.316	-	3.104.973.292	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2016	19.187.037.253	7.868.342.623	199.284.358.390	11.123.428.977	237.463.167.243
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	9.392.624.359	-	-	-	9.392.624.359
- Mua trong năm	-	1.590.058.182	126.315.834.364	1.030.854.546	128.936.747.092
Tại 31/12/2016	28.579.661.612	9.458.400.805	325.600.192.754	12.154.283.523	375.792.538.694
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2016	(559.093.330)	(4.115.466.594)	(108.939.260.296)	(7.548.276.944)	(121.162.097.164)
- Khấu hao trong năm	(1.147.766.050)	(1.310.699.890)	(32.535.077.260)	(1.281.273.654)	(36.274.816.854)
Tại 31/12/2016	(1.706.859.380)	(5.426.166.484)	(141.474.337.556)	(8.829.550.598)	(157.436.914.018)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	18.627.943.923	3.752.876.029	90.345.098.094	3.575.152.033	116.301.070.079
Tại 31/12/2016	26.872.802.232	4.032.234.321	184.125.855.198	3.324.732.925	218.355.624.676

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	514.288.000	259.780.000	774.068.000
Tại 31/12/2016	514.288.000	259.780.000	774.068.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2016	(514.288.000)	(259.780.000)	(774.068.000)
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2016	(514.288.000)	(259.780.000)	(774.068.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	-	-	-
Tại 31/12/2016	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 774.068.000 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Ngắn hạn	300.975.192	251.970.484
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	93.914.192	88.120.000
- Phí cước Metrowan	153.127.204	73.705.589
- Phần mềm mail server	32.661.069	59.773.691
- Phí dịch vụ khác	21.272.727	30.371.204
Dài hạn	731.488.165	775.599.265
- Giá trị công cụ dụng cụ tăng qua xác định giá trị doanh nghiệp	-	607.274.723
- Đường truyền cáp quang	554.621.544	-
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	84.269.911	131.157.872
- Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật trọn gói 3 năm thiết bị cisco	77.730.000	-
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử tại CN Đà Nẵng	14.866.710	37.166.670
Cộng	1.032.463.357	1.027.569.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.189.785.334	499.621.820
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.189.785.334	499.621.820
- Chi phí phải trả Sita text	168.492.000	48.492.000
- Chi phí hội nghị Khách hàng cuối năm	436.020.071	-
- Chi phí dự phòng Transero Airline	585.273.263	451.129.820

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn		-	-	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	190.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn (**)		-	190.000.000	-

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn với tỷ lệ sở hữu 19%/tổng vốn điều lệ. Đến ngày 31/10/2016, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn cho bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN

Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	51.985.724.024	51.985.724.024	35.098.291.191	35.098.291.191
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	23.903.479.266	23.903.479.266	24.125.850.575	24.125.850.575
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	5.345.572.044	5.345.572.044	3.826.206.326	3.826.206.326
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	6.385.931.436	6.385.931.436	-	-
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	4.242.584.369	4.242.584.369	1.718.527.654	1.718.527.654
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Hàng Không	3.668.107.400	3.668.107.400	2.518.040.800	2.518.040.800
- Công ty TNHH Tư Vấn Kỹ Thuật Hàng Không Việt Nam	2.243.439.110	2.243.439.110	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Ngọc Hạnh	502.700.000	502.700.000	-	-
- Doanh nghiệp tư nhân Sao Mai Em	460.000.000	460.000.000	-	-
- Công ty CP DV HK Sân bay Tân Sơn Nhất	800.822.000	800.822.000	-	-
- Các đối tượng khác	4.433.088.399	4.433.088.399	2.909.665.836	2.909.665.836
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	40.678.389.115	40.678.389.115	29.678.644.555	29.678.644.555
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	4.242.584.369	4.242.584.369	1.718.527.654	1.718.527.654
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	23.903.479.266	23.903.479.266	24.125.850.575	24.125.850.575
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	5.345.572.044	5.345.572.044	3.826.206.326	3.826.206.326
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	6.385.931.436	6.385.931.436	-	-
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	800.822.000	800.822.000	3.790.000	3.790.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	-	-	4.270.000	4.270.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế GTGT	-	-	39.446	39.446
Cộng	-	-	39.446	39.446
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	414.536.104	2.126.086.032	2.505.524.057	35.098.079
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.861.431.930	44.463.311.984	41.208.970.681	9.115.773.233
Thuế Thu nhập cá nhân	1.759.742.273	10.228.302.599	9.848.494.330	2.139.550.542
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	2.619.374	2.619.374	-
Cộng	8.035.710.307	56.825.319.989	53.570.608.442	11.290.421.854

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Chi phí nghỉ mát	-	159.000.000
Thù lao HĐQT và BKS	159.000.000	-
Chi phí hội nghị	854.934.306	-
Chi phí sử dụng Sita	842.460.000	242.460.000
Chi phí phải trả khác	1.260.000	-
Cộng	1.857.654.306	401.460.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.514.496.097	2.770.398.483
- Kinh phí công đoàn	1.137.826.847	638.662.731
- Bảo hiểm xã hội	2.600.000	-
- Bảo hiểm y tế	4.869.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.004.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.343.500	1.377.952.500
- Phải trả tiền vé, hoa hồng bán vé đã thu hộ	866.395.322	371.820.387
- Phải trả tiền ốm đau thai sản	257.762.829	176.360.630
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	212.694.599	205.602.235
b) Dài hạn	8.369.754.300	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.369.754.300	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cộng	10.884.250.397	2.770.398.483

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ	Tại 31/12/2016	Tỷ lệ	Tại 01/01/2016
	%	Giá trị	%	Giá trị
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP (*)	48,00%	96.000.310.000	55,51%	77.998.080.000
Công Ty CP Đầu Tư Khai Thác Cảng	12,79%	25.572.450.000	13,00%	18.266.040.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	15,16%	30.315.280.000	17,44%	24.510.920.000
Các cổ đông khác	24,01%	48.016.960.000	14,03%	19.712.960.000
Cổ phiếu quỹ	0,05%	95.000.000	0,01%	20.000.000
Cộng	100%	200.000.000.000	100%	140.508.000.000

(*) Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải về việc tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước không cần nắm giữ, ngày 06/01/2016 Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam đã có Nghị quyết số 13/NQ- HĐTV về kế hoạch thoái vốn của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 tại các doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hóa. Theo đó, vào ngày 09/11/2016, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn với tỷ lệ sở hữu từ 55,51% xuống còn 48%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 01/01/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
Vốn góp của chủ sở hữu	140.508.000.000	59.492.000.000	-	200.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia (*)	-	86.150.910.000	86.150.910.000	-

(*) Năm 2016, Công ty chia cổ tức còn lại của năm 2015 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016 tương đương 56.165.160.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016 và theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 23/11/2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/cổ phiếu tương ứng với tổng số tiền là 29.985.750.000 đồng.

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 01/01/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Tại 31/12/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.050.800	5.949.200	-	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.050.800	5.949.200	-	20.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.050.800</i>	<i>5.949.200</i>	-	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.000	7.500	-	9.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.000</i>	<i>7.500</i>	-	<i>9.500</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.048.800	5.949.200	(7.500)	19.990.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.048.800</i>	<i>5.949.200</i>	<i>(7.500)</i>	<i>19.990.500</i>
*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.4 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015	140.508.000.000	-	-	-	-	140.508.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	86.664.433.797	86.664.433.797
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.321.483.777)	(4.321.483.777)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(14.050.800.000)	(14.050.800.000)
- Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	(28.000.000)	-	-	(28.000.000)
Tại 31/12/2015	140.508.000.000	-	(28.000.000)	-	68.292.150.020	208.772.150.020
Tại 01/01/2016	140.508.000.000	-	(28.000.000)	-	68.292.150.020	208.772.150.020
- Lãi trong năm	-	-	-	-	174.204.717.632	174.204.717.632
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	56.165.160.000	-	-	-	(56.165.160.000)	-
- Tăng vốn trong năm nay (phát hành ESOP) (1)	3.326.840.000	6.603.680.000	-	-	-	9.930.520.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015 (1)	-	-	-	7.139.777.265	(7.139.777.265)	-
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 (1)	-	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
- Thường Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành từ Lợi nhuận năm 2015 (1)	-	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 (2)	-	-	-	-	(1.914.069.000)	(1.914.069.000)
- Tạm ứng tiền thưởng đạt kế hoạch năm 2016 (3)	-	-	-	-	(4.025.000.000)	(4.025.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2016 (4)	-	-	-	-	(29.985.750.000)	(29.985.750.000)
- Mua lại cổ phiếu trong năm (5)	-	-	(105.000.000)	-	-	(105.000.000)
Tại 31/12/2016	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	138.484.031.386	352.094.488.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.4 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(1) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập các quỹ, thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện chia cổ tức còn lại bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:2, cụ thể cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu nhận được 02 cổ phiếu mới. Ngoài ra, Công ty đã phát hành 332.684 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 30.000 đồng/cổ phiếu.

(2) Trong năm 2016, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo số liệu thực tế chi trong năm.

(3) Công ty tạm ứng tiền thưởng đạt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành năm 2016 theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2016 và Nghị quyết số 166/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2016.

(4) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 15%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 23/11/2016.

(5) Mua lại cổ phiếu của nhân viên đã mua theo cam kết khi thực hiện cổ phần hóa do nhân viên nghỉ việc trước thời hạn đã cam kết căn cứ theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/07/2011 quy định về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

20.1 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Là tài sản thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 20A/HĐ/ACV-SAGS ngày 10/02/2015 và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số 20A/HĐ/ACV-SAGS gia hạn thời hạn thuê đến hết 31/12/2016 và Hợp đồng số 96/HĐ/ACV-SAGS với thời hạn thuê từ 01/05/2015 đến 31/12/2016 và các Phụ lục kèm theo hợp đồng 96/HĐ/ACV-SAGS; Hợp đồng 120/HĐ/ACV-SAGS và các phụ lục Hợp đồng đi kèm với thời hạn thuê đến hết 31/12/2017. Mục đích thuê trang thiết bị, phương tiện của Công ty là nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Giá trị tài sản thuê ngoài		
Tài sản thuê ngoài	249.892.393.081	138.866.822.827
- Tài sản thuê ngoài tại Văn phòng Hồ Chí Minh	55.743.205.515	66.431.214.407
- Tài sản thuê ngoài tại CN Đà Nẵng	60.969.106.700	72.435.608.420
- Tài sản thuê ngoài tại CN Cam Ranh	133.180.080.866	-
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	37.144.783.541	19.374.890.913
+ Văn Phòng Hồ Chí Minh	8.630.449.141	8.216.396.589
+ CN Đà Nẵng	12.752.811.386	11.158.494.324
+ CN Cam Ranh	15.761.523.014	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****20.2 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	79.013.549.075	3.479.240,38	31.513.216.537	1.403.706,75
Đô la Singapore (SGD)	3.818.600	244,00	3.864.960	244,00

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a. Doanh thu	876.564.991.314	598.936.722.011
+ Doanh thu hàng không	853.885.872.652	577.866.862.526
<i>Doanh thu cho thuê quầy thủ tục</i>	<i>12.882.538.930</i>	<i>9.962.878.743</i>
<i>Doanh thu kéo đẩy máy bay</i>	<i>42.298.087.354</i>	<i>37.237.551.957</i>
<i>Doanh thu phục vụ mặt đất - nhóm A</i>	<i>791.804.616.207</i>	<i>530.666.431.826</i>
<i>Dịch vụ xe chở khách</i>	<i>6.900.630.161</i>	-
+ Doanh thu phi hàng không	22.679.118.662	21.069.859.485
<i>Doanh thu VIP</i>	<i>1.986.537.909</i>	<i>2.495.339.718</i>
<i>Doanh thu dịch vụ đào tạo</i>	<i>2.403.085.364</i>	<i>4.374.512.793</i>
<i>Doanh thu dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	<i>2.331.265.828</i>	<i>1.303.179.090</i>
<i>Dịch vụ giặt ủi</i>	<i>2.136.178.869</i>	<i>2.242.900.870</i>
<i>Dịch vụ Sửa chữa</i>	<i>5.226.575.263</i>	<i>3.338.310.905</i>
<i>Dịch vụ bảo trì</i>	<i>748.170.795</i>	<i>659.806.082</i>
<i>Dịch vụ hỗ trợ bay</i>	-	<i>481.254.188</i>
<i>Dịch vụ xe chở khách về khách sạn</i>	<i>6.030.724.447</i>	<i>4.594.510.462</i>
<i>Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác</i>	<i>1.816.580.187</i>	<i>1.580.045.377</i>
b. Doanh thu với các bên liên quan	7.526.738.428	7.993.424.590
+ Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	375.327.801	589.025.790
+ Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	6.907.364.327	7.223.398.800
+ Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	72.000.000	66.000.000
+ Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	-	115.000.000
+ Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	43.046.300	-
+ Công ty CP Phục vụ Mặt đất Hà Nội	129.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ	597.302.927.903	413.643.261.424
Cộng	597.302.927.903	413.643.261.424

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.075.488.453	852.646.081
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.765.455.527	4.483.677.649
Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	112.521.491	178.092.755
Cộng	5.953.465.471	5.514.416.485

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.109.824.675	764.901.970
Cộng	1.109.824.675	764.901.970

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	21.389.292.342	19.813.689.115
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	2.304.602.227	2.325.292.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	883.680.375	774.671.983
Chi phí thuế phí, lệ phí	7.776.105	35.276.594
Chi phí lập dự phòng	-	29.213.310.942
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(178.606.976)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.552.680.663	17.328.549.338
Chi phí khác bằng tiền khác	600.940.008	320.817.716
Chi phí nhượng quyền khai thác	12.809.820.925	8.674.764.652
Cộng	66.370.185.669	78.486.372.876
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(178.606.976)	-
Cộng	(178.606.976)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	23.607.548.067	18.725.253.407
Chi phí nhân công	325.657.960.036	220.097.811.119
Khấu hao tài sản cố định	36.274.816.854	22.583.405.006
Chi phí thuế phí, lệ phí	409.085.605	333.180.042
Chi phí lập dự phòng	-	29.213.310.942
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(178.606.976)	-
Chi phí nhượng quyền khai thác	12.809.820.925	8.674.764.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.491.549.053	192.176.641.416
Chi phí bằng tiền khác	600.940.008	325.267.716
Cộng	663.673.113.572	492.129.634.300

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu bán hồ sơ thầu	22.750.558	18.181.828
Thu lại tiền đào tạo, bồi thường của nhân viên nghỉ việc	133.499.990	43.800.000
Xử lý nợ	-	7.487.562
Phạt vi phạm hợp đồng	243.332.412	44.820.010
Thu nhập khác	6.112.906	2.369.974
Cộng	405.695.866	116.659.374

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền miễn thường theo HĐ bảo hiểm AV14- 15/SAGS	129.000.000	64.500.000
Tiền phạt vi phạm giao thông	14.000.000	-
Thuế GTGT giai đoạn 01/01/2015 đến 30/04/2015 không đủ điều kiện được hoàn	-	182.081.523
Xử lý nợ phải thu quá hạn	-	20.232.130
Tiền hỗ trợ sự đoàn kỷ niệm 40 năm thành lập	-	20.000.000
Chi phí khác	20.348.301	5.276.000
Cộng	163.348.301	292.089.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

				Năm 2016	Năm 2015
	Văn phòng Sài Gòn	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	164.652.749.533	24.812.528.702	28.512.587.868	217.977.866.103	111.381.171.947
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	164.652.749.533	24.812.528.702	28.512.587.868	217.977.866.103	111.381.171.947
Điều chỉnh tăng các khoản TN chịu thuế	4.484.859.591	101.017.337	40.195.974	4.626.072.902	3.473.404.367
- Chi phí không được trừ	1.034.042.021	101.017.337	40.195.974	1.175.255.332	975.295.265
- Chi phí phải trả Sita text	600.000.000	-	-	600.000.000	242.460.000
- Chi phí hội nghị Khách hàng cuối năm	2.180.100.356	-	-	2.180.100.356	-
- Trích dự phòng Transero Airline	670.717.214	-	-	670.717.214	2.255.649.102
Điều chỉnh giảm các khoản TN chịu thuế	(236.864.303)	(30.324.969)	(20.189.815)	(287.379.087)	(234.758.265)
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	(236.864.303)	(30.324.969)	(20.189.815)	(287.379.087)	(234.758.265)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	168.900.744.821	24.883.221.070	28.532.594.027	222.316.559.918	114.619.818.049
Thuế suất	20%	20%	20%	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.780.148.964	4.976.644.214	5.706.518.805	44.463.311.984	25.216.359.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.780.148.964	4.976.644.214	5.706.518.805	44.463.311.984	25.216.359.970

30. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.450.817.570	2.498.109.102
- Trích dự phòng Transero Airline	670.717.214	2.255.649.102
- Chi phí phải trả Sita text	600.000.000	242.460.000
- Chi phí hội nghị Khách hàng cuối năm	2.180.100.356	-
Thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi	20%	20%
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(690.163.514)	(499.621.820)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(690.163.514)	(499.621.820)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	174.204.717.632	86.664.433.797
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(112.521.491)	(178.092.755)
+ <i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND) (1)</i>	<i>(112.521.491)</i>	<i>(178.092.755)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	174.092.196.141	86.429.675.532
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (2)	(1.914.069.000)	(4.771.483.777)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu) (3)	19.735.538	19.667.278
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	8.724	4.152

(1) Căn cứ theo Khoản 1đ Điều 74 Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, đối với khoản lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm thì khi phân phối lợi nhuận Doanh nghiệp cần cân nhắc đến vì có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo đó, Công ty thực hiện loại trừ khoản lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm của các khoản mục tiền tệ ra khỏi phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(2) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo số tạm trích với giá trị là 4.321.483.777 đồng. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016, Công ty đã trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 450.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm tính theo số liệu thực tế chi trong năm.

(3) Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 5.616.516 cổ phiếu để chia cổ tức theo tỷ lệ 5:2. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2015 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	174.204.717.632	86.664.433.797
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(112.521.491)	(178.092.755)
+ <i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND) (1)</i>	(112.521.491)	(178.092.755)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	174.092.196.141	86.429.675.532
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (2)	(1.914.069.000)	(4.771.483.777)
Tổng số lượng cổ phiếu	19.735.538	19.667.278
+ <i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu) (3)</i>	19.735.538	19.667.278
+ <i>Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (Cổ phiếu)</i>	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	8.724	4.152

(1) Căn cứ theo Khoản 1đ Điều 74 Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, đối với khoản lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm thì khi phân phối lợi nhuận Doanh nghiệp cần cân nhắc đến vì có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo đó, Công ty thực hiện loại trừ khoản lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm của các khoản mục tiền tệ ra khỏi phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(2) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo số tạm trích với giá trị là 4.321.483.777 đồng. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016, Công ty đã trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 450.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm tính theo số liệu thực tế chi trong năm.

(3) Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 5.616.516 cổ phiếu để chia cổ tức theo tỷ lệ 5:2. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2015 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

33.1 GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

33.2 TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016.

33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (“USD”).

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tỷ giá thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm bán khi cần thiết để hạn chế mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Tổng Giám Đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại 31/12/2016	Nguyên tệ		VND tương đương	
	USD	SGD	USD	SGD
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.479.240,38	244,00	79.013.549.075	3.818.600
Phải thu khách hàng	3.517.198,01	-	79.875.568.928	-
Tài sản tài chính khác	383,41	-	8.707.241	-
Cộng	6.996.821,80	244,00	158.897.825.244	3.818.600
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính khác	362.327,00	-	8.253.781.620	-
Cộng	362.327,00	-	8.253.781.620	-

Rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016				
Phải trả người bán	51.985.724.024	-	-	51.985.724.024
Chi phí phải trả	1.857.654.306	-	-	1.857.654.306
Nợ phải trả khác	1.109.433.421	8.369.754.300	-	9.479.187.721
Cộng	54.952.811.751	8.369.754.300	-	63.322.566.051
Tại 01/01/2016				
Phải trả người bán	35.098.291.191	-	-	35.098.291.191
Chi phí phải trả	401.460.000	-	-	401.460.000
Nợ phải trả khác	1.955.375.122	-	-	1.955.375.122
Cộng	37.455.126.313	-	-	37.455.126.313

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.817.498.015	-	-	127.817.498.015
Phải thu khách hàng	170.570.027.413	-	-	170.570.027.413
Tài sản tài chính khác	1.773.713.766	-	-	1.773.713.766
Cộng	300.161.239.194	-	-	300.161.239.194
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.370.065.494	-	-	78.370.065.494
Phải thu khách hàng	109.505.618.206	-	-	109.505.618.206
Đầu tư dài hạn	-	190.000.000	-	190.000.000
Tài sản tài chính khác	3.494.916.112	-	-	3.494.916.112
Cộng	191.370.599.812	190.000.000	-	191.560.599.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: bộ phận tại văn phòng Tp.Hồ Chí Minh, Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Cam Ranh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Năm 2016	Tại Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh	Tại Chi nhánh Đà Nẵng	Tại Chi nhánh Cam Ranh	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	664.913.028.596	122.071.135.804	89.580.826.914	876.564.991.314
Chi phí bộ phận	504.830.267.850	97.324.498.588	61.518.347.134	663.673.113.572
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	160.082.760.746	24.746.637.216	28.062.479.780	212.891.877.742
Doanh thu tài chính	5.343.537.708	140.147.260	469.780.503	5.953.465.471
Chi phí tài chính	1.095.073.587	10.338.116	4.412.972	1.109.824.675
Thu nhập khác	405.112.740	582.569	557	405.695.866
Chi phí khác	83.588.074	64.500.227	15.260.000	163.348.301
Lợi nhuận trước thuế	164.652.749.533	24.812.528.702	28.512.587.868	217.977.866.103
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.780.148.964	4.976.644.214	5.706.518.805	44.463.311.984
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(690.163.514)	-	-	(690.163.514)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	131.562.764.083	19.835.884.488	22.806.069.063	174.204.717.632
Số lượng lao động bình quân năm 2016 (nhân viên)	986	229	224	1.439
Số lượng lao động tại ngày 31/12/2016 (nhân viên)	1028	273	254	1.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2015

	Tại Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh VND	Tại Chi nhánh Đà Nẵng VND	Không phân bổ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	545.361.176.645	53.575.545.366	-	598.936.722.011
Chi phí bộ phận	444.114.760.952	48.014.873.348	-	492.129.634.300
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	101.246.415.693	5.560.672.018	-	106.807.087.711
Doanh thu tài chính	5.443.388.859	71.027.626	-	5.514.416.485
Chi phí tài chính	718.337.439	46.564.531	-	764.901.970
Thu nhập khác	71.826.024	44.833.350	-	116.659.374
Chi phí khác	292.089.653	-	-	292.089.653
Lợi nhuận trước thuế	105.751.203.484	5.629.968.463	-	111.381.171.947
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	25.216.359.970	25.216.359.970
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(499.621.820)	(499.621.820)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				86.664.433.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***35. CÁC THÔNG TIN KHÁC****35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu với các bên liên quan	7.526.738.428	7.993.424.590
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn	375.327.801	589.025.790
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	6.907.364.327	7.223.398.800
- Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	72.000.000	66.000.000
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	43.046.300	-
- Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	-	115.000.000
- Công ty CP Phục vụ Mặt đất Hà Nội	129.000.000	-
Mua hàng với các bên liên quan	203.368.431.867	160.461.000.561
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	24.477.849.313	17.346.686.150
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	135.958.514.991	129.338.112.423
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	25.012.331.517	13.216.466.751
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	16.457.021.071	-
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	104.187.271	117.380.725
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	1.332.877.705	130.081.786
- Công ty CP Vận tải hàng không Miền Nam	8.181.818	292.863.636
- Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	17.468.181	19.409.090

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng	-	98.137.939
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn	-	56.137.939
- Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	-	42.000.000
Phải trả người bán	40.678.389.115	29.678.644.555
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	4.242.584.369	1.718.527.654
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	23.903.479.266	24.125.850.575
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	5.345.572.044	3.826.206.326
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	6.385.931.436	-
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	800.822.000	3.790.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	-	4.270.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT (1)	2.369.658.304	456.000.000
- Thù lao HĐQT	456.000.000	456.000.000
- Thưởng đạt kế hoạch năm 2015	908.128.302	-
- Tạm ứng thưởng đạt kế hoạch năm 2016	824.528.302	-
- Lợi ích khác	181.001.700	-
Thu nhập của Ban Kiểm soát (2)	863.943.396	180.000.000
- Thù lao BKS	180.000.000	180.000.000
- Thưởng đạt kế hoạch năm 2015	358.471.698	-
- Tạm ứng thưởng đạt kế hoạch năm 2016	325.471.698	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	12.111.800.100	6.456.722.295
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	5.943.440.000	6.456.722.295
- Thưởng đạt kế hoạch năm 2015	3.066.480.000	-
- Tạm ứng thưởng đạt kế hoạch năm 2016	2.875.000.000	-
- Lợi ích khác	226.880.100	-

(1) Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên chuyên trách.

(2) Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên và không có thành viên chuyên trách.

35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Theo Biên bản số 19/BB-CVMT ngày 02/02/2016, Cảng vụ Hàng không Miền Trung đã tạm bàn giao một phần lô đất số 16 tại 09ha sân đỗ số 4 quân sự với diện tích 2.850,5 m2 cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng với mục đích khảo sát, lập dự án xây dựng khu tập kết, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị mặt đất tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng. Việc bàn giao chính thức, cho thuê đất và ký hợp đồng thuê đất được thực hiện khi sân đỗ số 4 quân sự đã bàn giao cho hàng không dân dụng quản lý, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng hoàn khoản tiền mà Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (ACV) đã tạm ứng để đền bù, giải phóng mặt bằng.

Ngày 27/12/2016, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) – Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng đã ban hành văn bản số 2086/CHKQTDN thông báo kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng phải hoàn trả là 2.529.646.684 đồng. Giá trị này được tạm tính theo tỷ lệ diện tích 2.850,5 m2 trên tổng 90.000 m2 được bàn giao và tổng kinh phí đền bù mà ACV đã thanh toán theo phê duyệt của UBND Thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, ngày 19/01/2017, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam đã ban hành văn bản số 304/TCTCHKVN-CTCP-KCHTMT về việc chấp thuận thay đổi vị trí lô đất giao cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng từ lô số 16 ở đầu Nam sang lô số 16 ở đầu Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được chấp thuận thay đổi của Cục Hàng không Việt Nam. Theo đó, Công ty chưa có cơ sở xác định diện tích lô đất được bàn giao cũng như giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng phải chi trả. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 không bao gồm các điều chỉnh liên quan đến chi phí nêu trên.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thực hiện tinh thần biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ngày 23/03/2016 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 11/04/2016 chấp thuận kế hoạch mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh thông qua phương án góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Cam Ranh dự kiến đi vào hoạt động cuối năm 2016. Theo đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị quyết số 164/NQ-HĐQT ngày 23/12/2016 thông qua quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh với tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là 51%. Hình thức vốn góp: góp vốn bằng tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Chi nhánh Cam Ranh tại thời điểm ngày 31/12/2016 với giá trị được xác định bằng giá trị còn lại trên sổ kế toán. Phần giá trị góp vốn còn thiếu (nếu có) sẽ được góp bằng tiền mặt.

Ngày 01/01/2017, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh đã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh Cam Ranh của Công ty theo Nghị quyết nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

35.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được tính toán lại như được nêu tại mục 31 và 32 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2015	Năm 2015
		theo BCTC 31/12/2015 đã kiểm toán	sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.844	4.152
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.844	4.152

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Phùng Danh Nguyên

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Hùng